

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

-----★-----

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v “Tranh chấp Hôn nhân
& Gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Long và ông Kiều Văn Dậu.

- Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2022 về việc Tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1983 (có mặt)

HKTT: Thôn Bằng Lục, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Trú tại: Thôn Mẫn Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Anh Nguyễn Cao K, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Bằng Lục, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn K kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 29/01/2004, chị có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Cao K, sinh năm 1982; là người cùng quê tại Ủy ban nhân dân xã Thụy Hòa trên cơ sở tự nguyện và có tìm hiểu. Vợ chồng chị chung sống hoà thuận đến khoảng đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2014 chị có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Yên Phong nhưng sau đó anh K níu kéo, gia đình khuyên can nên tôi suy nghĩ lại và rút đơn mong anh K thay đổi tính cách. Nhưng đến năm 2015 cuộc sống vợ chồng lại bắt đầu mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chính là do anh K hay uống rượu, chửi bới, đánh đập tôi, vợ chồng bất đồng về tính cách, quan điểm sống,

không qua tâm đến nhau, không có sự chia sẻ tình cảm. Ngày 14/5/2022, anh K nghi ngờ tôi có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên đã đánh tôi khiến tôi bị rạn cung sau xương sườn bên phải. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Chị xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh K và đề nghị Tòa án giải quyết sớm cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Thị L A, sinh ngày 29/11/2004; Nguyễn Thị L Q, sinh ngày 02/12/2007 và Nguyễn C Đ, sinh ngày 02/7/2009. Hiện nay, các cháu đang sinh sống cùng anh K. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L A và cháu Quyên, còn anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đại. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, chị không có thai.

Hiện chị đang làm nghề mua bán đồ điện dân dụng, bàn ghế, tủ, giường, nội thất cũ tại huyện Yên Phong và thu nhập bình quân khoảng từ 15- 20 triệu đồng/tháng. Về chỗ ở, tôi đang thuê nhà của ông Nguyễn Hữu Hoa ở địa chỉ: thôn Mẫn Xá, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Chị S xác định chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Cao K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận những lời trình bày của chị S về thời gia, điều kiện kết hôn là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế, quan điểm, tính cách, chị S thiếu tôn trọng anh. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngày 14/5/2022, do bức tức nên anh có đánh chị S nên sâu đó khoảng vài ngày thì chị S bỏ đi không về nhà nữa. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Khoảng 3- 4 năm trước chị S có làm đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý nên chị S lại rút đơn. Nay anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, mục đích để chăm lo, nuôi dạy các con chung là chính, còn tình cảm vợ chồng thì anh cho rằng không quan trọng. Anh không có biện pháp, phương hướng cải thiện tình cảm vợ chồng. Đến nay, chị S xin ly hôn anh thì anh không đồng ý vì anh muốn các con có đầy đủ cả bố và mẹ.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh có 03 con chung như chị S trình bày là đúng. Khi Tòa án lấy lời khai của anh thì anh trình bày: trường hợp phải ly hôn thì anh xin nuôi cả 3 con chung và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hoà giải, anh mong muốn vợ chồng cùng nuôi dạy các con chung, anh không đồng ý ly hôn chị S.

Hiện nay, bản thân anh làm thợ xây, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Về chỗ ở hiện nay anh và các con đang sinh sống trên nhà đất của bố mẹ đẻ anh tại thôn Bằng Lục, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu K kiện xin ly hôn anh K.

Về con chung, chị S vẫn đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung Nguyễn Thị L A, sinh ngày 29/11/2004; Nguyễn Thị L Q, sinh ngày 02/12/2007; đồng ý để anh K nuôi dưỡng cháu Nguyễn C Đ, sinh ngày 02/7/2009.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức đóng góp và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ vợ chồng giữa anh K và chị S, do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 28, 35, 36, 39, 147, 232, 235, 262, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn K kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị S.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Cao K.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị L A, sinh ngày 29/11/2004; Nguyễn Thị L Q, sinh ngày 02/12/2007 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn C Đ, sinh ngày 02/7/2009 cho anh Nguyễn Cao K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất hợp lệ đối với anh Nguyễn Cao K đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng anh K vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa, sau đó Tòa án đã giao Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đối với anh K đến phiên tòa lần thứ hai để anh K tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị S có đơn K kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và con chung nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn và con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Nguyễn Cao K trú tại thôn Bằng Lục, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] *Về yêu cầu K kiện của nguyên đơn*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Cao K kết hôn ngày 29/01/2004, quan hệ hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét đời sống tình cảm trong quá trình hai vợ chồng chung sống đã có nhiều mâu thuẫn bất đồng xảy ra. Chị S và anh K đều cho rằng vợ chồng có nhiều bất đồng trong kinh tế, quan điểm sống, tính cách. Chị S thì cho rằng anh K thường xuyên rượu chè, chửi bới, đánh đập chị. Anh K thì cho rằng chị S không quan tâm đến anh, không tôn trọng anh. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là ngày 14/5/2022, do có nghi ngờ chị S ngoại tình nên anh K đã dùng chân tay đánh, đập chị, có một số người can ngăn nhưng chị vẫn bị thương tích. Từ đó vợ chồng sống ly thân. Chị S xác định vợ chồng không còn tình cảm và đề nghị được ly hôn anh K. Về phí anh K thì anh không đồng ý ly hôn chị S. Anh K mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng với mục đích chính là để chăm lo, nuôi dạy các con chung, còn tình cảm vợ chồng thì anh cho rằng không quan trọng.

Từ những lời khai trên của các đương sự cho thấy đời sống tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh K không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh K không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng, bỏ mặc cho mâu thuẫn diễn ra. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, xử cho chị S được ly hôn anh K là phù hợp.

Về con chung: Chị S và anh K có 03 con chung là Nguyễn Thị L A, sinh ngày 29/11/2004; Nguyễn Thị L Q, sinh ngày 02/12/2007; Nguyễn C Đ, sinh ngày 02/7/2009. Xét cả chị S và anh K đều có đủ khả năng nuôi con chung. Chị S xin nuôi dưỡng cháu L A và cháu Quyên; đồng ý để anh K nuôi dưỡng cháu Đại là chính đáng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Vì vậy cần giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu L A và cháu Quyên; giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đại là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 143, Điều 144, Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 233; Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Cao K.

2. *Về con chung và cấp dưỡng:* Giao 02 con chung là Nguyễn Thị L A, sinh ngày 29/11/2004; Nguyễn Thị L Q, sinh ngày 02/12/2007 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn C Đ, sinh ngày 02/7/2009 cho anh Nguyễn Cao K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị S đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2021/0004343 ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Yên Phong. Chị S đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND h. Yên Phong;
- Chi cục THADS h. Yên Phong
- Các đương sự;
- UBND x. Thụy Hòa;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Huệ

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Kiều Văn Dật

Nguyễn Thế Long

Nguyễn Thị Minh Huệ